



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2022-2023

Môn: TOÁN HỌC

A. LÝ THUYẾT

I. SỐ HỌC

1. Các phép tính về phân số và số thập phân
2. Một số bài toán về Phân số, Tỉ số phần trăm
3. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm

II. HÌNH HỌC

1. Đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng
2. Tia, Góc

B. BÀI TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Sử dụng dữ liệu sau đây để trả lời câu 1, 2, 3

Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:

Quý 1	  
Quý 2	   
Quý 3	 
Quý 4	  

 = 10 chiếc xe,  = 5 chiếc xe

Câu 1: Tổng số xe bán được trong năm 2021 là:

- A. 11 B. 110 C. 115 D. 120

Câu 2: Số xe bán được nhiều nhất trong một quý là:

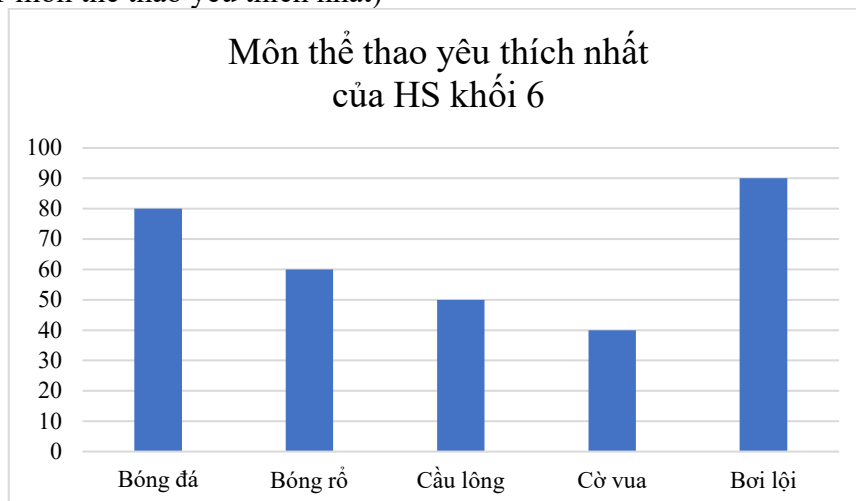
- A. 4 B. 40 C. 2 D. 45

Câu 3: Quý 4 bán được nhiều hơn Quý 3 bao nhiêu xe?

- A. 10 B. 5 C. 1 D. 0,5

Sử dụng dữ liệu sau đây để trả lời câu 4, 5, 6, 7, 8

Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn HS khối 6 của một trường THCS (Mỗi HS chỉ lựa chọn 1 môn thể thao yêu thích nhất)



Câu 4: Môn thể thao được yêu thích nhất là:

- A. Bóng đá B. Bóng rổ C. Cầu lông D. Bơi lội

Câu 5: Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là:

- A. 10 B. 20 C. 60 D. 80

Câu 6: Số HS thích môn cầu lông là:

- A. 40 B. 50 C. 60 D. 80

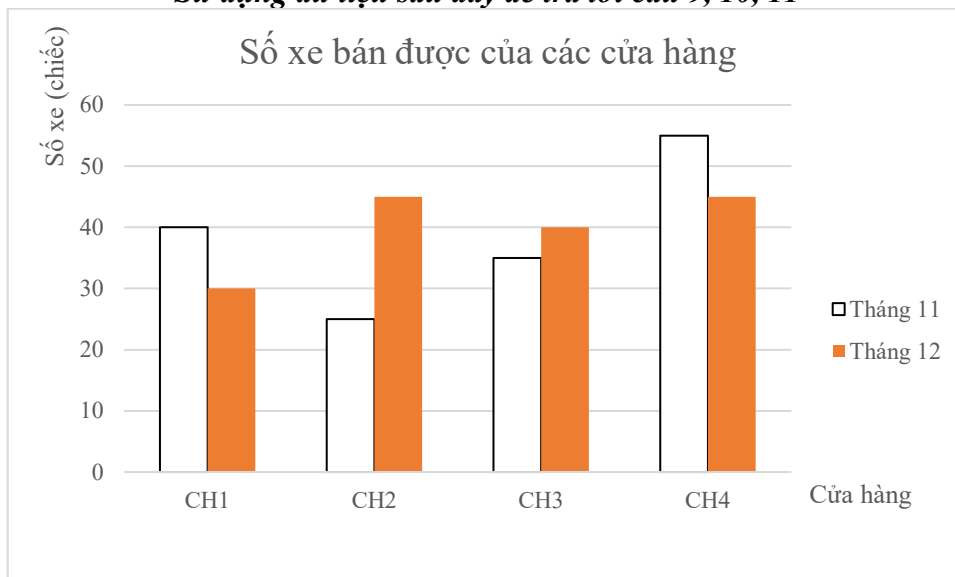
Câu 7: Tổng số HS khối 6 là:

- A. 330 B. 320 C. 310 D. 300

Câu 8: Số HS yêu thích môn bóng đá so với HS khối 6 là bao nhiêu phần trăm?

- A. 40 B. 30 C. 25 D. 20

Sử dụng dữ liệu sau đây để trả lời câu 9, 10, 11



Câu 9: Trong tháng 11 tổng số xe bán được ở tất cả các cửa hàng là bao nhiêu chiếc?

- A. 145 B. 150 C. 155 D. 160

Câu 10: Số xe bán được trong tháng 11 nhiều hơn số xe bán được trong tháng 12 ở CH4 là bao nhiêu chiếc?

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 20

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là SAI?

- A. Số xe bán được trong tháng 11 nhiều hơn trong tháng 12
 B. Tổng số xe CH1 bán được bằng tổng số xe CH2 bán được
 C. Tháng 11, CH4 bán được nhiều xe nhất
 D. Trung bình mỗi tháng CH4 bán được 50 chiếc xe

Câu 12: Tung đồng xu 32 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt Sấp thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt Ngửa là:

- A. $\frac{18}{32}$ B. $\frac{7}{16}$ C. $\frac{12}{32}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 13: Khánh gieo một con xúc xắc 50 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	10	11	7	12	6

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm là:

- A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{6}{25}$ C. $\frac{2}{25}$ D. Đáp án khác

Câu 14: Một hộp có chứa 1 viên bi xanh, 1 viên bi vàng, 1 viên bi đỏ, 1 viên bi trắng. Các viên bi có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần Nam lấy ra 1 viên bi từ trong hộp, ghi lại màu của viên bi và bỏ lại vào trong hộp. Trong 20 lần lấy bi ra liên tiếp có 6 lần xuất hiện bi xanh, 5 lần xuất hiện bi vàng, 2 lần xuất hiện bi đỏ và 7 lần xuất hiện bi trắng. Xác suất thực nghiệm xuất hiện bi xanh là:

A. $\frac{3}{10}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{1}{10}$

D. Đáp án khác

Câu 15: Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ lần lượt là: X, V, T, N. Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp, tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp là:

A. {X, V, T, N}

B. {V, N, T, Y}

C. {X, V, X, T}

D. {V, T, N, T}

Câu 16: Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp, ghi số lại rồi bỏ thẻ vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, Thảo được kết quả như sau:

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là:

A. $\frac{10}{20}$

B. $\frac{15}{20}$

C. $\frac{11}{20}$

D. $\frac{9}{20}$

Câu 17: Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối thì số chấm xuất hiện là một số chính phương lớn hơn 1. Số chấm xuất hiện là:

A. 4

B. 1

C. 2

D. 6

Câu 18: Cho $\frac{-15}{x} = \frac{3}{4}$. Khi đó giá trị của x là:

A. 20

B. -20

C. 63

D. -16

Câu 19: Giá trị của biểu thức $1\frac{3}{5} \cdot \frac{12}{19} - \frac{8}{5} \cdot \frac{7}{19}$ là:

A. $\frac{8}{5}$

B. $\frac{8}{19}$

C. 0

D. $\frac{1}{2}$

Câu 20: Kết quả của phép tính $\frac{5}{13} - \left(\frac{18}{13} - \frac{1}{2} \right)$ là:

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{-1}{2}$

C. $\frac{-3}{2}$

D. $\frac{3}{2}$

Câu 21: $\frac{3}{4}$ của 156km là:

A. 117m

B. 117km

C. 208m

D. 208km

Câu 22: Một quyển sách có giá 80 000 đồng. Giá của quyển sách sau khi được giảm 35% là:

A. 28 000 đồng

B. 52 000 đồng

C. 60 000 đồng

D. 62 000 đồng

Câu 23: Cho đoạn thẳng HK, I là trung điểm của HK. Biết HK = 6cm. Độ dài đoạn thẳng IK là:

A. 3cm

B. 4cm

C. 6cm

D. 12cm

Câu 24: Cho đoạn thẳng MN, O là trung điểm của MN. Biết OM = 6cm. Độ dài đoạn thẳng MN là:

A. 3cm

B. 4cm

C. 6cm

D. 12cm

Câu 25: Cho điểm M nằm giữa điểm A và điểm B. Khẳng định nào sau đây là SAI?

A. AM + MB = AB

B. AM < AB

C. AB > MB

D. AM < MB

Câu 26: Coi kim giờ và kim phút của một chiếc đồng hồ là hai tia chung gốc. Số đo góc tạo bởi hai kim lúc 15h00 là:

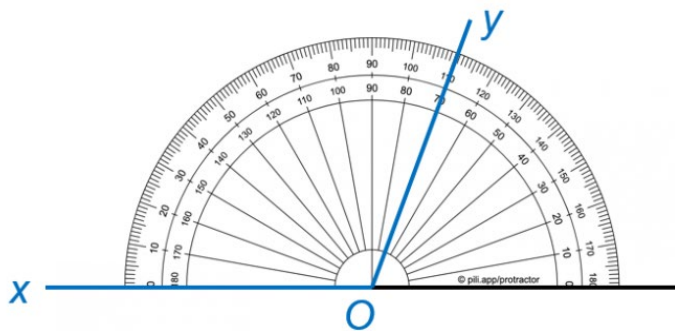
A. 20°

B. 30°

C. 60°

D. 90°

Câu 27: Số đo của $\widehat{yOx}$ dưới đây là:



- A. 50° B. 70° C. 110° D. 130°

Câu 28: Cho các góc sau: $\widehat{M} = 30^\circ$, $\widehat{H} = 112^\circ$, $\widehat{A} = 50^\circ$, $\widehat{T} = 90^\circ$. Khẳng định nào sau đây là SAI?

- A. $\widehat{A} < \widehat{T}$ B. $\widehat{A} > \widehat{M}$ C. $\widehat{T} < \widehat{H}$ D. $\widehat{A} > \widehat{H}$

Câu 29: Khẳng định nào sau đây là SAI?

- A. Góc vuông là góc có số đo bằng 90°
 B. Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc nhọn
 C. Góc có số đo nhỏ hơn 180° là góc tù
 D. Góc có số đo 180° là góc bẹt

Câu 30: Khẳng định nào sau đây là SAI?

- A. Góc nhọn nhỏ hơn góc vuông
 B. Góc tù lớn hơn góc nhọn
 C. Góc tù nhỏ hơn góc bẹt
 D. Góc vuông là góc lớn nhất

II. TỰ LUẬN

Dạng 1: Tính giá trị biểu thức

Bài 1: Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

- a) $\frac{25}{17} + \frac{-5}{29} - \frac{8}{17} - \frac{5}{13} + \frac{-24}{29}$ b) $\frac{11}{12} \cdot \frac{7}{8} + \frac{11}{12} \cdot \frac{15}{16} - \frac{11}{12}$
 c) $\frac{1}{7} \cdot \frac{3}{4} + 0,75 \cdot \frac{5}{7} - \frac{333}{444} : \frac{7}{13}$ d) $\frac{3}{8} - (\frac{3}{4} - \frac{1}{2})$
 e) $(-9,237) + 3,8 + (-1,563) - 2,8$ f) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) - (-2,45)$
 g) $(-4) \cdot 2,5 \cdot (-202,3)$ h) $20,23 \cdot 67,6 + 20,23 \cdot 32,4$

Dạng 2: Tìm x

Bài 2: Tìm x biết:

- a) $\frac{-2}{3} + x = \frac{-3}{4}$ b) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot x = (-1) + \frac{7}{8}$
 c) $\frac{1}{4} - \frac{7}{4} \cdot x = 1,75$ d) $\frac{1}{5} + 2 \cdot \left(\frac{1}{3} - x \right) = 1$
 e) $\left(\frac{2}{3} + x \right) : \frac{3}{4} - 0,25 = 40\%$ f) $\frac{3}{4} \cdot x + \frac{1}{6} \cdot x - 1 = -2\frac{1}{3}$
 g) $\frac{1}{5} : x = \frac{1}{5} - \frac{1}{7}$ h) $\frac{x}{-3} = \frac{-5}{15}$

Dạng 3: Bài toán cơ bản về phân số và tỉ số phần trăm

Bài 3: Lớp 6A có 32 học sinh gồm 3 loại: Tốt, Khá, Đạt. Số HS loại Tốt chiếm 50% số HS cả lớp. Số HS loại Khá bằng $\frac{3}{4}$ số HS loại Tốt, còn lại là HS loại Đạt.

- a) Tính số HS mỗi loại.
 b) Tính tỉ số phần trăm số HS loại Khá và HS loại Đạt so với HS cả lớp.

Bài 4: Trong đợt thi đua chào mừng ngày thành lập Đoàn 26 tháng 3, một trường THCS đã quyên góp được 2400 quyển vở tặng các bạn HS vùng cao. Khối 6 quyên góp được $\frac{1}{3}$ tổng số vở, khối 7 quyên góp được $\frac{3}{8}$ số vở còn lại. Số vở khối 8 quyên góp được bằng $\frac{9}{11}$ số vở khối 9. Tính số vở mỗi khối đã quyên góp.

Bài 5: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 50m, chiều rộng bằng 60% chiều dài. Người ta dành $\frac{2}{3}$ diện tích khu vườn để trồng rau sạch. Phần diện tích còn lại dùng để trồng cây ăn quả và hoa, biết diện tích trồng cây ăn quả bằng $\frac{3}{5}$ diện tích còn lại.

a) Tính diện tích khu vườn.

b) Tính diện tích phần trồng hoa.

Dạng 4: Dữ liệu và xác suất thực nghiệm

Bài 6: Một đại lý bán gạo thống kê số lượng các loại gạo đã bán trong tháng Giêng của năm 2022 như sau: (đơn vị: kg)

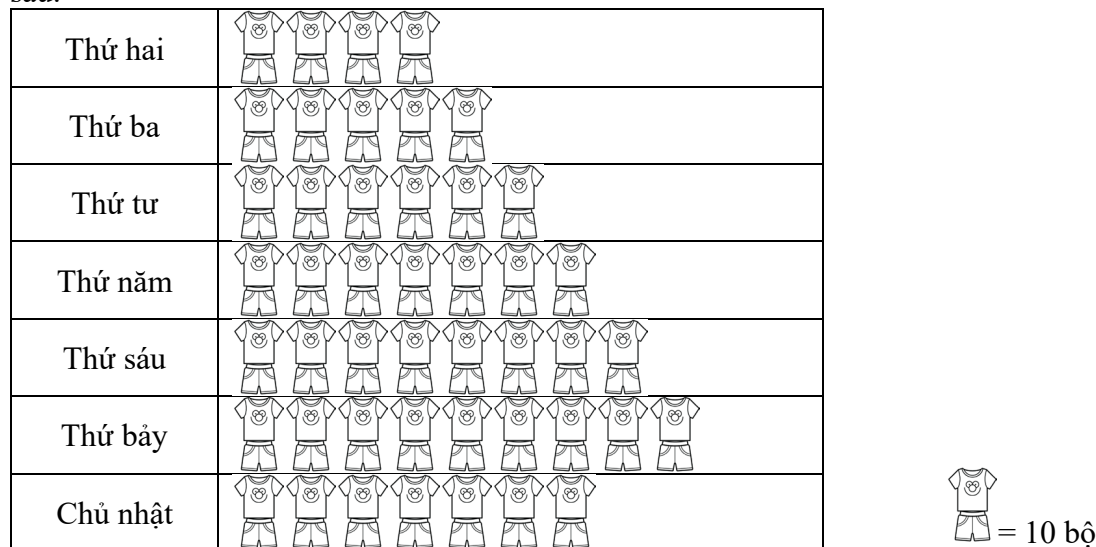
Loại gạo	Bắc Hương	Thơm Thái	Tám Hải Hậu	ST24	Hàm Châu	Nàng Xuân	ST25
Số lượng	393	185	158	109	170	197	98

a) Loại gạo nào bán được nhiều nhất? Ít nhất?

b) Đại lý nên nhập về nhiều hơn những loại gạo nào để bán trong các tháng tiếp theo?

c) So với tổng khối lượng các loại gạo đã bán trong tháng Giêng, tỉ lệ gạo Bắc Hương đã bán là bao nhiêu phần trăm?

Bài 7: Số bộ quần áo trẻ em bán được của một cửa hàng trong một tuần được biểu diễn trong biểu đồ sau:

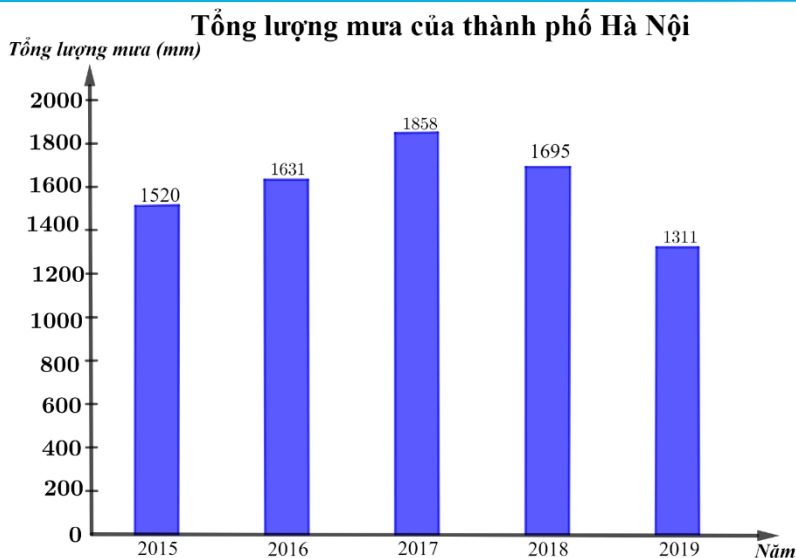


a) Thứ mấy cửa hàng bán được nhiều bộ quần áo nhất? Ít bộ quần áo nhất?

b) Số bộ quần áo chênh lệch giữa ngày bán được nhiều nhất và ít nhất là bao nhiêu?

c) Nếu mỗi bộ quần áo bán được cửa hàng lời được 20 000 đồng, hỏi sau 1 tuần cửa hàng lời được bao nhiêu tiền?

Bài 8: Biểu đồ dưới đây cho biết tổng lượng mưa tại thành phố Hà nội trong một số năm:



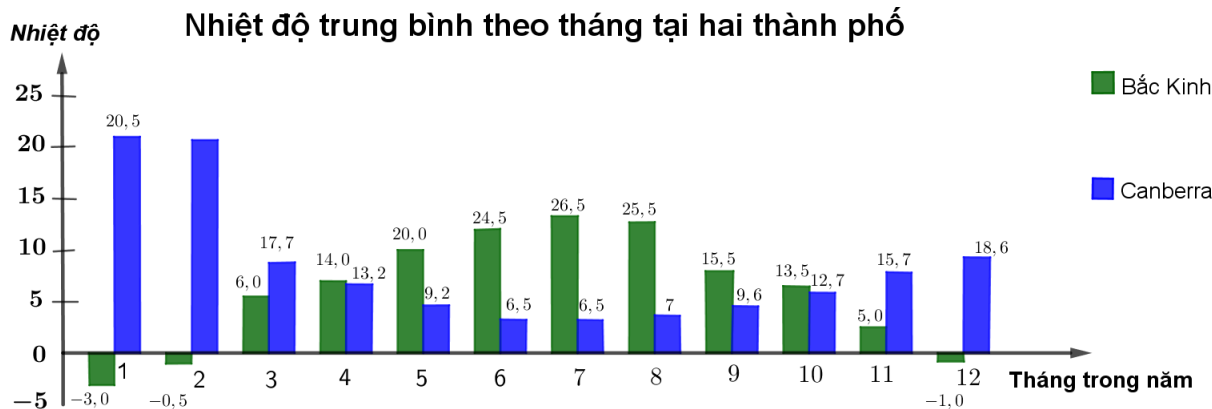
- a) Biểu đồ biểu thị thông tin gì và ở những năm nào?
 b) Đơn vị đo tổng lượng mưa của thành phố Hà Nội trong biểu đồ là gì?
 c) Lập bảng thống kê biểu thị dữ liệu trong biểu đồ.

Bài 9: Lớp 6A dự định tổ chức một trò chơi dân gian khi đi dã ngoại. Lớp trưởng đã yêu cầu mỗi bạn đề xuất một trò chơi bằng cách ghi vào phiếu. Sau khi thu phiếu, tổng hợp kết quả lớp trưởng thu được bảng sau:

Trò chơi	Cướp cờ	Nhảy bao bố	Đua thuyền	Bịt mắt bắt dê	Kéo co
Số bạn	4	5	7	6	10

- a) Hãy cho biết lớp 6A có bao nhiêu học sinh?
 b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê trên?

Bài 10: Biểu đồ sau đây cho biết nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) theo tháng tại hai thành phố Bắc Kinh (Trung Quốc) và Canberra (Úc).



- a) Các cột nằm dưới trục ngang có ý nghĩa gì?
 b) Cho biết 3 tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất ở Bắc Kinh, ở Canberra.
 c) Cho biết 3 tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất ở Bắc Kinh, ở Canberra.
 d) Dự đoán các tháng mùa hè, mùa đông ở hai thành phố này.
 e) Mô tả xu thế về nhiệt độ từ tháng 1 đến tháng 12 tại Bắc Kinh, tại Canberra.
 f) Giải thích sự khác biệt về xu thế nhiệt độ trung bình theo các tháng trong năm tại hai thành phố này?

Bài 11: Một cửa hàng sách thiếu nhi đã ghi lại được số lượng truyện tranh thiếu nhi và truyện đọc thiếu nhi bán được các ngày trong tuần như sau:

	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Truyện tranh	25	18	12	20	35
Truyện đọc	15	10	5	5	15

- a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn số cuốn truyện của hàng bán được các ngày trong tuần.
 b) Loại truyện nào của hàng bán được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu cuốn trong tuần đó?

Bài 12: Trong hộp có chứa nhiều bút bi màu xanh (X), đen (Đ) và tím (T). Dương nhắm mắt trộn đều hộp rồi chọn từ đó ra một cái bút, ghi lại màu bút, rồi trả lại hộp. Lặp lại các bước trên 30 lần, Dương được bảng kết quả như sau:

X	Đ	X	X	X	T	T	Đ	Đ	Đ
X	X	X	Đ	X	Đ	T	X	X	Đ
Đ	X	X	X	X	Đ	Đ	X	X	X

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

- Dương lấy được bút màu xanh
- Dương lấy được bút màu đen
- Dương lấy được bút màu tím

Bài 13: Minh gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	30	15	20	10	15	10

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

- Số chấm xuất hiện là số chẵn
- Số chấm xuất hiện là số lớn hơn 2

Dạng 5: Hình học

Bài 14: Cho $AB = 6\text{cm}$, $AC = 2\text{cm}$, $BC = 4\text{cm}$

- 3 điểm A, B, C có thẳng hàng không?
- Gọi M là trung điểm của AC, N là trung điểm của BC. Tính MN.

Bài 15: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{ cm}$; $OB = 9\text{ cm}$.

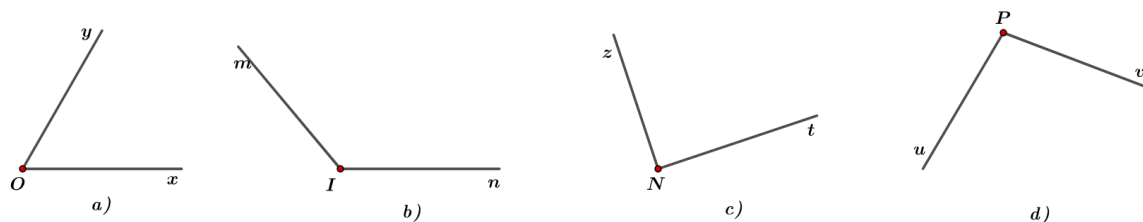
- Tính AB
- Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính OM.
- Trên tia đối của tia Ox, lấy điểm N sao cho $ON = 2\text{cm}$. Tính NM.

Bài 16: Vẽ hình theo diễn đạt sau:

- Vẽ $\widehat{ABC} = 80^\circ$. Lấy điểm M nằm trong $\widehat{ABC}$. Qua M vẽ một đường thẳng cắt cạnh BA và BC lần lượt tại D và E.

- Vẽ $\widehat{xOy} = 120^\circ$. Vẽ tia Oa là tia đối của tia Ox, vẽ tia Ob là tia đối của tia Oy.

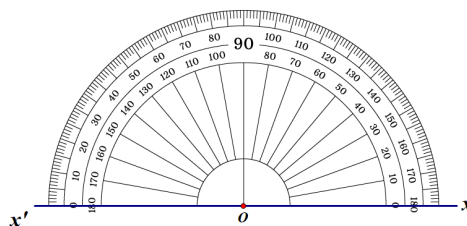
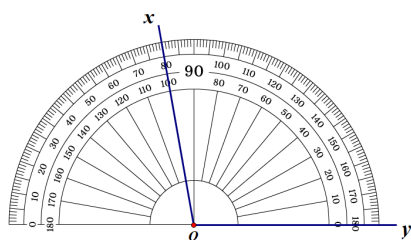
Bài 17: Cho hình vẽ sau:



Hình 1

- Hãy đo và cho biết số đo mỗi góc có trong Hình 1
- Sắp xếp các góc có trong Hình 1 theo thứ tự tăng dần
- Chỉ ra các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong Hình 1

Bài 19: Viết tên và số đo các góc được cho ở mỗi hình và cho biết mỗi góc đó thuộc loại góc gì. Chỉ rõ đỉnh, cạnh của mỗi góc.



Dạng 6: Toán nâng cao



Bài 26: Cho $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{4^2} + \frac{1}{6^2} + \dots + \frac{1}{2024^2}$. Chứng minh rằng: $A < \frac{1}{2}$.

Bài 27: Cho $B = \frac{1}{3} + \frac{2}{3^2} + \frac{3}{3^3} + \dots + \frac{2023}{3^{2023}}$. Chứng minh rằng: $B < \frac{3}{4}$.

Bài 28: Tìm x biết $\frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \dots + \frac{1}{(2x-2).2x} = \frac{3}{16}$ ($x \in \mathbb{N}, x \geq 2$)

Bài 29: Cho $D = \frac{4}{3.5} + \frac{4}{5.7} + \dots + \frac{4}{97.99}$ và $E = \frac{18}{2.5} + \frac{18}{5.8} + \dots + \frac{18}{203.206}$. Tính $\frac{D}{E}$.

 Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?

- A. Nấm hương. B. Nấm bụng dê. C. Nấm mốc. D. Nấm men.

Câu 2. Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ yếu?

- A. Nấm men. B. Vi khuẩn. C. Nguyên sinh vật. D. Virus.

Câu 3. Trong các thực vật sau, loại nào cơ thể có cả hoa, quả và hạt?

- A. Cây bưởi B. Cây vạn tuế C. Rêu tản D. Cây thông

Câu 4. Cây nào dưới đây có thân rễ?



- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

Câu 5. Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

- A. Mặt dưới của lá. B. Mặt trên của lá. C. Thân cây. D. Rễ cây.

Câu 6. Có thể dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống?

- A. Bộ xương ngoài. B. Lớp vỏ. C. Xương cột sống. D. Vỏ calcium.

Câu 7. Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

- A. Nhóm Cá. B. Nhóm Chân khớp. C. Nhóm Giun. D. Nhóm Ruột khoang.

Câu 8. Thủy tức là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?

- A. Ruột khoang. B. Giun. C. Thân mềm. D. Chân khớp.

Câu 9. Cá heo trong hình bên là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?



- A. Cá. B. Thú. C. Lưỡng cư. D. Bò sát.

Câu 10. Cá cóc trong hình bên là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?



A. Cá. B. Lưỡng cư. C. Bò sát. D. Thú.

Câu 11. Động vật có xương sống bao gồm:

A. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

B. Cá, Chân khớp, Bò sát, Chim, Thú.

C. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Ruột khoang, Thú. D. Thân mềm, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

Câu 12. Động vật nào sau đây **không** nằm trong Sách Đỏ Việt Nam?

A. Cá heo.

B. Sóc đen Côn Đảo.

C. Rắn lục mũi hếch.

D. Gà lôi lam đuôi trắng.

Câu 13. Biện pháp nào sau đây **không** phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

Câu 14. Hoạt động nào dưới đây không cần dùng đến lực?

A. Đọc một trang sách.

B. Kéo một gàu nước,

C. Nâng một tấm gỗ.

D. Đẩy một chiếc xe.

Câu 15. Một bạn chơi trò nhảy dây. Bạn đó nhảy lên được là do

A. lực của chân đẩy bạn đó nhảy lên. B. lực của đất tác dụng lên chân bạn đó.

C. chân bạn đó tiếp xúc với đất.

D. lực của đất tác dụng lên dây.

Câu 16. Treo vật vào đầu dưới của một lò xo, lò xo dãn ra. Khi đó

A. lò xo tác dụng vào vật một lực đẩy. B. vật tác dụng vào lò xo một lực nén.

C. lò xo tác dụng vào vật một lực nén. D. vật tác dụng vào lò xo một lực kéo.

Câu 17. Khi có một lực tác dụng lên quả bóng đang chuyển động trên sân thì tốc độ của quả bóng sẽ

A. không thay đổi.

B. tăng dần

C. giảm dần.

D. tăng dần hoặc giảm dần.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Lực là nguyên nhân làm cho vật chuyển động.

B. Lực là nguyên nhân làm cho vật thay đổi hướng chuyển động.

C. Lực là nguyên nhân làm cho vật thay đổi tốc độ chuyển động.

D. Lực là nguyên nhân làm cho vật bị biến dạng.

Câu 19. Trường hợp nào sau đây vật không bị biến dạng khi chịu tác dụng của lực?

A. Cửa kính bị vỡ khi bị va đập mạnh. B. Đất xốp khi được cày xới cẩn thận.

C. Viên bi sắt bị búng và lăn về phía trước. D. Tờ giấy bị nhàu khi ta vò nó lại.

Câu 20. Người ta dùng búa để đóng một cái cọc tre xuống đất. Lực mà búa tác dụng lên cọc tre sẽ gây ra những kết quả gì?

A. Chỉ làm biến đổi chuyển động cọc tre.

B. Không làm biến dạng và cũng không làm biến đổi chuyển động của cọc tre.

C. Chỉ làm biến dạng cọc tre.

D. Vừa làm biến dạng cọc tre vừa làm biến đổi chuyển động của nó.

Câu 21. Một túi đường có khối lượng 2 kg thì có trọng lượng gần bằng

A. 2N.

B. 20N.

C. 200N.

D. 2 000N.

Câu 22. Một thùng hoa quả có trọng lượng 50N thì thùng hoa quả đó có khối lượng bao nhiêu kg?

A. 5 kg.

B. 0,5kg.

C. 50kg.

D. 500 kg.

Câu 23. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Trọng lượng của vật là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

B. Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg.

C. Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật.

Câu 24. Khi ta đem cân một vật là ta muốn biết



- A. trọng lượng của vật đó.
- B. thể tích của vật đó.
- C. khối lượng của vật đó.
- D. so sánh khối lượng của vật đó với khối lượng của các vật khác.

Câu 25. Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực tiếp xúc?

- A. Một hành tinh trong chuyển động xung quanh một ngôi sao.
- B. Một vận động viên nhảy dù rơi trên không trung.
- C. Thủ môn bắt được bóng trước khung thành.
- D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

Câu 26. Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

- A. Vận động viên nâng tạ.
- B. Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.
- C. Giọt mưa đang rơi.
- D. Bắn Na đóng đinh vào tường.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây nói về lực ma sát là đúng?

- A. Lực ma sát cùng hướng với hướng chuyển động của vật.
- B. Khi vật chuyển động nhanh dần, lực ma sát lớn hơn lực đẩy.
- C. Khi vật chuyển động chậm dần, lực ma sát nhỏ hơn lực đẩy.
- D. Lực ma sát trượt cản trở chuyển động trượt của vật này trên bề mặt vật kia.

Câu 28. Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi

- A. quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng.
- B. ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh.
- C. quả bóng bàn đặt trên mặt bàn nằm ngang nhẵn bóng.
- D. xe đạp đang xuống dốc.

Câu 29. Một vật đặt trên mặt bàn nằm ngang. Dùng tay búng vào vật để nó chuyển động. Vật sau đó chuyển động chậm dần vì có

- A. trọng lực.
- B. lực hấp dẫn.
- C. lực búng của tay.
- D. lực ma sát.

Câu 30. Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây?

- A. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

Câu 31. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Lực ma sát chỉ sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.
- B. Lực ma sát chỉ sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt một vật khác.
- C. Lực ma sát chỉ xuất hiện khi một vật đứng yên trên bề mặt một vật khác.
- D. Lực ma sát có thể có lợi hoặc có hại.

Câu 32. Ta trực tiếp nhận biết được một vật có nhiệt năng khi vật đó có khả năng nào?

- A. Làm tăng khối lượng vật khác.
- B. Làm nóng một vật khác.
- C. Sinh ra lực đẩy làm vật khác chuyển động.
- D. Nổi được trên mặt nước.

Câu 33. Vật liệu nào **không phải** là nhiên liệu?

- A. Than đá.
- B. Hơi nước.
- C. Gas.
- D. Khí đốt.

Câu 34. Dạng năng lượng nào **không phải** năng lượng tái tạo?

- A. Năng lượng khí đốt.
- B. Năng lượng gió.
- C. Năng lượng thủy triều.
- D. Năng lượng mặt trời.

Câu 35. Dạng năng lượng được dự trữ trong que diêm, pháo hoa là

- A. nhiệt năng.
- B. quang năng.
- C. hoá năng.
- D. cơ năng.

Câu 36. Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khúc gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

- A. Nhiệt năng, động năng và thế năng.
- B. Chỉ có nhiệt năng và động năng.
- C. Chỉ có động năng và thế năng.
- D. Chỉ có động năng.

Câu 37. Nhiên liệu tích trữ năng lượng hữu ích. Chúng ta thu được năng lượng từ nhiên liệu bằng cách

- A. di chuyển nhiên liệu.
- B. tích trữ nhiên liệu.
- C. đốt cháy nhiên liệu.
- D. nấu nhiên liệu.

Câu 38. Nhiên liệu tích trữ năng lượng dưới dạng

- A. nhiệt năng.
- B. hoá năng.
- C. thế năng hấp dẫn.
- D. thế năng đàn hồi.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Cho các đại diện sinh vật: cá mập, cá voi, chim cánh cụt, ếch giun, cá sấu, thú mỏ vịt, cua, san hô, giun đất, hến, mực, bọ cánh cam, lươn, hươu, cá ngựa. Hãy sắp xếp chúng vào các nhóm động vật theo bảng sau:

Nhóm động vật	Đại diện sinh vật

Câu 2. Sử dụng các từ gợi ý: *cá thể, số lượng loài, đa dạng sinh học, môi trường sống* để điền vào chỗ trống cho phù hợp:

Đa dạng sinh học là sự phong phú về (1)..., số (2)... trong loài, và (3).... Dựa vào điều kiện khí hậu, (4)... được phân chia theo các khu vực như: đa dạng sinh học ở hoang mạc, đa dạng sinh học vùng đài nguyên, đa dạng sinh học rừng mưa nhiệt đới, đa dạng sinh học vùng ôn đới, đa dạng sinh học rừng lá kim.

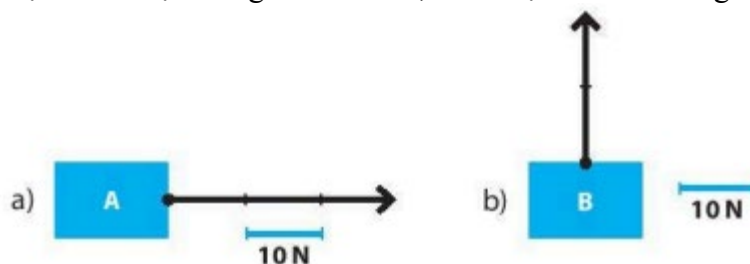
Câu 3. Lựa chọn các từ sau: *lực kéo, lực nén, lực đẩy* và điền vào chỗ trống:

- Bạn An đã tác dụng vào thước nhựa một... làm thước nhựa bị uốn cong.
- Để nâng tấm bê tông lên, cần cần đã tác dụng vào tấm bê tông một...
- Đầu tàu đã tác dụng vào toa tàu một...
- Gió đã tác dụng vào dù của người nhảy dù một...

Câu 4. Biểu diễn các lực sau với tỉ xích 1cm ứng với 2N.

- Lực F_1 có phương ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 4 N.
- Lực F_2 có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống, độ lớn 2 N.
- Lực F_3 có phương hợp với phương ngang một góc 45° , chiều từ trái sang phải, hướng lên trên, độ lớn 6 N.

Câu 5. Nêu hướng và độ lớn các lực trong hình vẽ sau, cho tỉ lệ xích 1 cm ứng với 10 N.



Câu 6. Vì sao khi đá bóng vào tường, bóng lại bị bật trở lại? Khi đó, bóng và tường có bị biến dạng không?

Câu 7. Chiều dài ban đầu của lò xo là 25cm, khi ta tác dụng lên lò xo một lực thì chiều dài của nó là 27 cm. Cho biết lò xo bị dãn hay bị nén và dãn hay nén một đoạn bao nhiêu.

Câu 8. Khi treo vật nặng có trọng lượng 1 N, lò xo dãn ra 0,5 cm. Hỏi khi treo vật nặng có trọng lượng 3 N thì lò xo ấy dãn ra bao nhiêu?

Câu 9. Một lò xo dài thêm 10 cm khi treo vào đầu của nó một vật có trọng lượng 20 N. Tiếp tục treo thêm một vật có trọng lượng 15N nữa thì lò xo dài bao nhiêu? Biết chiều dài tự nhiên của lò xo này là 20 cm.

Câu 10. Hãy giải thích tại sao xích xe đạp phải thường xuyên tra dầu nhờn.

Câu 11. Hai máy bay có khối lượng như nhau. Chiếc 1 bay ở độ cao 2 km với vận tốc 50 m/s. Chiếc 2 bay ở độ cao 3 km với vận tốc 200 km/h. Máy bay nào có cơ năng lớn hơn? Vì sao?

Môn: NGỮ VĂN

A. Văn bản

1. Phần văn học dân gian:

- Khái niệm và đặc điểm truyện truyền thuyết, truyện cổ tích
- Nắm được nội dung và ý nghĩa các văn bản đã học

2. Phần văn bản Nghị luận



- Nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận
- Ý nghĩa các văn bản nghị luận đã học
- 3. Văn bản thông tin
 - Đặc điểm của văn bản thông tin
 - Những vấn đề chính được đề cập trong các văn bản thông tin đã học

B. Tiếng việt

I. Từ và cấu tạo từ

1. Thế nào là từ ghép? Ví dụ minh họa
2. Thế nào là từ láy? Ví dụ minh họa

II. Các biện pháp tu từ

1. Thế nào là So sánh? Ví dụ minh họa
2. Thế nào là Nhân hóa? Ví dụ minh họa
3. Thế nào là Ẩn dụ? Ví dụ minh họa
4. Thế nào là Điệp từ? Ví dụ minh họa
5. Thế nào là Hoán dụ? Ví dụ minh họa
6. Thế nào là Nói quá? Ví dụ minh họa
7. Thế nào là Nói giảm nói tránh? Ví dụ minh họa

III. Trạng ngữ

1. Nêu đặc điểm của trạng ngữ. Ví dụ minh họa
2. Công dụng của trạng ngữ. Ví dụ minh họa

IV. Từ mượn

1. Khái niệm: Từ mượn là từ vay mượn của tiếng nước ngoài để làm giàu cho tiếng Việt. Mượn của các ngôn ngữ: tiếng Hán, tiếng Anh, tiếng Pháp...

2. Khái niệm: Từ Hán Việt là những từ được vay mượn của tiếng Hán, nhưng được đọc theo cách phát âm riêng của tiếng Việt.

3. Cách giải nghĩa từ Hán Việt

V. Văn bản, đoạn văn

1. Văn bản: là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc...
2. Đoạn văn: là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ. Đoạn văn được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng một dấu chấm.

VI. Lựa chọn cấu trúc câu

1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản

- Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết.

2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản

- Khi viết, cần chú ý những yếu tố: tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản.

C. Phân Viết

I. Dạng 1: Văn tự sự: Đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích

***Bố cục bài văn kể chuyện**

1. *Mở bài:* Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.
2. *Thân bài:* kể diễn biến câu chuyện.
 - + Xuất thân của các nhân vật
 - + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện
 - + Diễn biến chính:
 - Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc 3...
3. *Kết bài:* kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.

II. Dạng 2: Văn thuyết minh

1. Khái niệm: Thuyết minh là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin, thuật lại một sự kiện dùng để trình bày những gì mà người viết chứng kiến hoặc tham gia. Diễn biến của sự kiện thường được sắp xếp theo trình tự thời gian.

2. Bố cục bài văn Thuyết minh

- *Mở bài*: giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)
- *Thân bài*: + Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian
- + Những nhân vật tham gia sự kiện
- + Các hoạt động chính trong sự kiện: đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động
- + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.
- *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.

III. Dạng 3: Văn nghị luận: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm

1. Khái niệm: nghị luận thường bàn về một hiện tượng, một vấn đề nhằm khẳng định ý kiến của người viết (người nói) về hiện tượng (vấn đề) đó.

2. Bố cục bài văn Nghị luận

- *Mở bài*: giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận
- *Thân bài*: Đưa ra ý kiến bàn luận
- +Nêu ý 1: (Lí lẽ+ bằng chứng)
- +Nêu ý 2: (Lí lẽ+ bằng chứng)
- +Nêu ý 3: (Lí lẽ+ bằng chứng)
- +.....
- *Kết bài*: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

* Một số đề tham khảo

Đề 1: Kể lại một truyện thuyết bằng lời văn của em.

Đề 2: Đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em đã học.(nhân vật: Thạch Sanh, Người em, Lý Thông...)

Đề 3: Suy nghĩ của em về vấn đề xã hội mà em quan tâm (bạo lực học đường, nghiện mạng xã hội, ô nhiễm môi trường.....)

Đề 4: Thuyết minh về một lễ hội

E. Cấu trúc đề kiểm tra

ĐỀ 1:

Phần I: Đọc – hiểu (5,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng chia sẻ hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho. Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ... (Trích Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

Câu 1: Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào tờ giấy làm bài. (2,0 điểm)

1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản:

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

2. Xét về từ loại, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại:

- A. Chia sẻ B. Không khí C. Cây cối D. Muông thú

3. Có mấy cụm danh từ trong câu: “Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở”.

- A. 1 cụm danh từ B. 2 cụm danh từ C. 3 cụm danh từ D. 4 cụm danh từ

4. Cụm từ: “Vô cùng quý giá” là?

- A. Cụm động từ B. Cụm tính từ

5. Có mấy cụm động từ trong câu: “Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ”

- A. 1 cụm động từ B. 2 cụm động từ C. 3 cụm động từ D. 4 cụm động từ

6. Từ: “Ngài” xưng hô thể hiện thái độ gì của người giao tiếp?
 A. Thái độ thân mật, kính trọng B. Thái độ tôn trọng, lịch sự của người giao tiếp
7. Thành tố trung tâm của cụm từ: “Bầu không khí này” là:
 A. Bầu B. Không khí C. Bầu không khí D. Không khí này
8. Xét về cấu tạo từ, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?
 A. Cây cối B. Mảnh đất C. Ngọn gió D. Hoa hồng

Câu 2: Thủ lĩnh người da đỏ muốn nhắn nhủ điều gì qua câu văn sau: “Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó trở thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ” (1,0 điểm)

Câu 3: Đoạn văn trên thể hiện nội dung gì ? (1,0 điểm)

Câu 4: Chúng ta cần phải làm gì để hạn chế ô nhiễm không khí, bảo vệ trái đất – cái nôi của sự sống (1,0 điểm)

Phần II: Viết (5,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về bài ca dao sau:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
 Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
 Nhị vàng bông trắng là xanh
 Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn* (Ca dao)

Câu 2 (3,5 điểm) Hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại một buổi lễ chào cờ đầu tuần của trường em.

ĐỀ 2:

Phần 1: Đọc – hiểu: (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. [...] Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.

Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.

(Theo Nguyễn Ngọc, Một đề nghị, tạp chí Điện tử Tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Câu 1: (2 điểm) Trắc nghiệm

Chọn phương án trả lời đúng nhất và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào tờ giấy làm bài.

1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Nghị luận D. Biểu cảm

2. Câu chủ đề của đoạn văn là câu :

- A. Câu thứ nhất B. Câu thứ hai C. Câu thứ ba D. Câu thứ tư

3. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- A. mòn mỏi C. trí tuệ B. đạo đức D. công cuộc

4. Cụm từ nào sau đây là cụm động từ?

- A. Đọc sách B. các tổ chức thanh niên C. một cuốn sách D. một công cuộc lớn.

5. Nội dung chính của văn bản là:

- A. Vai trò của việc đọc sách B. Cách đọc sách hiệu quả
 C. Phát động phong trào đọc sách D. Thực trạng của việc đọc sách trong giới trẻ hiện nay

6. Trong các từ sau, từ nào không phải là từ Hán Việt?

- A. Trí tuệ B. gia đình C. công cuộc D. lâu dài

7. Dòng nào giải thích chính xác nghĩa của từ “việc lớn”?

- A. việc lớn có tính chất cho cả xã hội B. việc lớn của một người

C. việc lớn của một tập thể

D. việc lớn của gia đình

8. Trong văn bản, tác giả cho rằng không đọc sách sẽ:

A. không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa.

B. đời sống tinh thần của con người nghèo đi

C. cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng

D. không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng

Câu 2: Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?

Câu 3: Theo em “việc nhỏ” và “công cuộc lớn” mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?

Câu 4: Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

Phần II : Viết (6 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với câu mở đầu: *Chúng ta hãy cùng nhau đọc sách mỗi ngày.*

Câu 2 (4.0 điểm): Hãy viết bài văn trình bày ý kiến của em về một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm.

Phần I. Đọc – hiểu(5,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

(1) Mỗi cá nhân đều có những đặc điểm tuyệt vời riêng. (2) Đà điều rất giỏi chạy nhanh còn đại bàng thì có khả năng bay cao. (3) Không ai đánh giá cao đà điều ở khả năng bay hay huấn luyện đại bàng để chạy nhanh cả. (4) Vì vậy, bạn cần biết rõ các giá trị của mình và chọn các công việc phù hợp để giá trị đó được tỏa sáng. (5) thực tế đã chứng minh, chỉ những người nào nắm vững kỹ năng và yêu thích công việc của mình đang làm mới có khả năng trở thành người giỏi trong lĩnh vực đó.

(Trích **Giá trị bản thân làm nên sự khác biệt**-<https://careerbuilder.vn>)

Câu 1(2,0 điểm). Chọn phương án trả lời đúng nhất và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào tờ giấy làm bài.

1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là:

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Biểu cảm

2. Câu chủ đề của đoạn văn trên là:

A. Câu 1

B. Câu 2

C. Câu 3

D. Câu 4, 5

3. Giá trị của bản thân là gì?

A. Giá trị của bản thân là ưu điểm, điểm mạnh vượt trội của mỗi người so với những người khác khiến mình có một cá tính riêng, dấu ấn riêng không trộn lẫn với đám đông.

B. Giá trị của bản thân là những ưu khuyết điểm riêng, điểm không mạnh mỗi người so với những người khác.

C. Giá trị của bản thân là những ưu khuyết điểm riêng, mỗi người so với những người khác.

D. Giá trị của bản thân là những điểm không mạnh mỗi người so với những người khác.

4. Định nghĩa nào đúng nhất về sự tỏa sáng:

A. Tỏa sáng là sự khẳng định mình, làm cho mình không bị lãng quên trong kí ức của mọi người.

B. Tỏa sáng là khi một con người, một nhân cách được mọi người xung quanh ngưỡng mộ, trân trọng.

C. Tỏa sáng là một con người có nhân cách, làm cho mình không bị lãng quên trong kí ức của mọi người.

D. Tỏa sáng là sự khẳng định mình, làm cho mình bị lãng quên trong kí ức của mọi người.

5. Theo em, câu văn nào trong đoạn văn là câu dẫn chứng:

A. Câu 1,2

B. Câu 2,3

C. Câu 3,4

D. Câu 4, 5

6. Hai cụm từ “chạy nhanh” và “bay cao” thuộc:

A. Cụm động từ

B. Cụm danh từ

C. Danh từ

D. Động từ

7. Trong câu văn: “**Mỗi cá nhân đều có những đặc điểm tuyệt vời riêng**” có mấy từ ghép:

A. 1 từ

B. 2 từ

C. 3 từ

D. 4 từ

8. Những từ ghép ở trên (câu 7) là từ thuần Việt hay Hán Việt?

A. Thuần Việt

B. Hán Việt

C. Thuần Việt và Hán Việt

D.

Không là gì.

Câu 2 (1,0 điểm): Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu sau: “**Mỗi cá nhân đều có những đặc điểm tuyệt vời riêng**”.

Câu 3(1,5 điểm): Em có đồng ý với tác giả: *bạn cần biết rõ các giá trị của mình và chọn các công việc phù hợp để giá trị đó được tỏa sáng*. Vì sao?

Câu 4 (0,5 điểm): Em cần làm gì để phát huy những giá trị của bản thân?

Phần II: Viết (5 điểm):

Viết bài văn nghị luận nêu ý kiến về một vấn đề xã hội mà em quan tâm

Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

I. TỰ LUẬN

Câu 1 : Nối thông tin bên trái với các thông tin bên phải sao cho phù hợp về các cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta từ thế kỉ I đến thế kỉ X

A.Kết quả	1.Nhiều cuộc khởi nghĩa đã dành được độc lập tự chủ trong một thời gian ngắn
	2.Được nhiều tầng lớp nhân dân hưởng ứng
B.Ý nghĩa	3.Diễn ra liên tục bền bỉ, phạm vi rộng lớn
	4.Biểu hiện tinh thần đấu tranh bất khuất, thể hiện khí phách anh hùng của dân tộc
C.Đặc điểm	5.Yêu nước và đoàn kết là yếu tố quan trọng
	6.Có tác dụng giáo dục truyền thống dân tộc cho các thế hệ sau này
D. Bài học kinh nghiệm	7.Người lãnh đạo phải biết tập hợp quần chúng nhân dân
	8.Nhiều cuộc khởi nghĩa làm cho chính quyền phương bắc chấn động

Câu 2. Nối kiến thức của cột A với cột B để cho nội dung đúng:

A		B	
1	Thành Cổ Loa	a	Là một biểu tượng đáng tự hào của văn minh Việt cổ
2	Nước Văn Lang ra đời	b	Ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ
3	Nước Âu lạc rơi vào tay Triệu Đà	c	Lý Bí lên ngôi Hoàng Đế
4	Kháng chiến chống quân xâm lược Hán của Hai Bà Trưng	d	Từ tháng 4 năm 42 đến tháng 11 năm 43.
5	Văn hóa Chăm -pa	e	Do An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác, nội bộ mất đoàn kết
6	Mùa xuân Năm 544	g	Công lao của các Vua Hùng

Câu 3: Kể tên một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của người Chăm trong hơn 8 thế kỉ đầu Công nguyên và cho biết thành tựu nào được bảo tồn đến ngày nay.

Câu 4 : Giải thích tại sao đầu thế kỉ X được coi là một bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc?

II.TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Địa bàn nổ ra cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng hiện nay thuộc địa phương nào?

- A. Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. B. Huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
C. Huyện Mê Linh, Hà Nội. D. Huyện Đông Anh, Hà Nội.

Câu 2. “Vung tay đánh cọp xem còn dễ/Đối diện Bà Vương mới khó sao” là câu nói chỉ vị anh hùng dân tộc nào?

- A. Trưng Trắc. B. Trưng Nhị. C. Bà Triệu. D. Lê Chân.

Câu 3. Sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bà Triệu.
B. Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.
C. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ.
D. Khởi nghĩa của Lý Bí.
- Câu 4. *Dấu tích thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan hiện nay nằm ở đâu?*
A. Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. B. Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
C. Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. D. Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
- Câu 5. *Địa danh gắn liền với cuộc kháng chiến theo chiến thuật du kích của Triệu Quang Phục chống quân Lương là*
A. động Khuất Lão. B. cửa sông Tô Lịch.
C. thành Long Biên. D. đầm Dạ Trạch.
- Câu 6. *Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã bao vây và chiếm thành Tống Bình, tự sắp đặt được việc cai trị trong vòng bao lâu?*
A. 3 năm. B. 9 năm. C. 10 năm. D. Hơn 60 năm.
- Câu 7. *Nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc là*
A. chính quyền đô hộ thực hiện chính sách lấy người Việt trị người Việt.
B. chính sách đồng hoá của chính quyền đô hộ gây tâm lí bất bình trong nhân dân.
C. chính sách áp bức bóc lột hà khắc, tàn bạo của phong kiến phương Bắc và tinh thần đấu tranh bất khuất không cam chịu làm nô lệ của nhân dân ta.
D. do ảnh hưởng của các phong trào nông dân ở Trung Quốc.
- Câu 8. *Ý nào dưới đây không phản ánh đúng chính sách đồng hoá dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc?*
A. Đưa người Hán sang ở lẫn với người Việt, bắt người Việt theo phong tục, tập quán của người Hán.
B. Tìm cách xoá bỏ các tập tục lâu đời của người Việt.
C. Du nhập chữ Hán và tư tưởng Nho giáo vào nước ta.
D. Mở nhiều trường học để dạy cho người Việt.
- Câu 9. *Ý nào dưới đây không đúng khi nói về sức sống của nền văn hoá bản địa thời Bắc thuộc?*
A. Người Việt vẫn bảo tồn và nói tiếng Việt.
B. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn được duy trì.
C. Các nghi lễ gắn với nông nghiệp như cày tịch điền vẫn được duy trì.
D. Tục búi tóc, nhuộm răng đen, ăn trầu,... vẫn được bảo tồn.
- Câu 10. *Điểm nổi bật của tình hình văn hoá nước ta thời Bắc thuộc là gì?*
A. Văn hoá Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hoá nước ta.
B. Nhân dân ta tiếp thụ văn hoá Trung Quốc một cách triệt để.
C. Tiếp thu văn hoá Trung Hoa để phát triển văn hoá dân tộc.
D. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc
- Câu 11. *Thông tin nào dưới đây không đúng về Khúc Thừa Dụ?*
A. Là một hào trưởng địa phương ở Ninh Giang, Hải Dương.
B. Nhân cơ hội nhà Đường suy yếu đã nổi dậy đánh chiếm thành Tống Bình, lật đổ chính quyền đô hộ.
C. Tự xưng hoàng đế, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.
D. Có con trai là Khúc Hạo người đã tiến hành cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử.
- Câu 12. *Nội dung nào dưới đây không thể hiện đúng về cuộc cải cách của Khúc Hạo?*
A. Định lại mức thuế cho công bằng.
B. Bãi bỏ chức Tiết độ sứ của nhà Đường.
C. Tha bỏ lực dịch cho dân bớt khổ.
D. Lập sổ hộ khẩu, khai rõ quê quán để quản lí cho thống nhất.
- Câu 13. *Căn cứ làng Giàng gần với nghĩa quân của Dương Đình Nghệ nay thuộc địa phương nào?*
A. Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
B. Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
C. Huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
D. Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Câu 14. *Thông tin nào dưới đây không chính xác về sông Bạch Đằng?*

- A. Chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng).
 B. Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta.
 C. Lòng sông hẹp và nông, mực nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất không chênh lệch nhiều.
 D. Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy,... giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc thuận lợi.
- Câu 15. *Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở địa bản nào?*
 A. Dải đất ven biển miền Trung nước ta,
 B. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta.
 C. Vùng ven biển miền Trung nước ta, từ phía Nam dãy Hoành Sơn đến tỉnh Bình Định ngày nay.
 D. Các tỉnh miền Trung nước ta, từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.
- Câu 16. *Vương quốc Chăm-pa được hình thành vào thời gian nào?*
 A. Đầu Công nguyên.
 B. Thế kỉ VII TCN.
 C. Cuối thế kỉ II TCN.
 D. Cuối thế kỉ II
- Câu 17. *Hiện nay ở nước ta có công trình văn hóa Chăm nào đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới?*
 A. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).
 B. Tháp Chăm (Phan Rang).
 C. Cổ đô Huế.
 D. Tháp Hoà Lai (Ninh Thuận).
- Câu 18. *Địa bàn chủ yếu của Vương quốc Phù Nam là ở đâu?*
 A. Vùng ven biển miền Trung nước ta.
 B. Các tỉnh Nam Bộ nước ta,
 C. Vùng đồng bằng sông Cửu Long nước ta.
 D. Bao gồm nhiều vùng đất thuộc một số quốc gia Đông Nam Á hiện nay.
- Câu 19. *Vương quốc Phù Nam được hình thành vào thời gian nào?*
 A. Đầu Công nguyên.
 B. Thế kỉ VI TCN.
 C. Cuối thế kỉ I TCN.
 D. Khoảng thế kỉ I.
- Câu 20. *Vương quốc Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hoá nào?*
 A. Văn hoá Sa Huỳnh
 B. Văn hoá Phù Nam.
 C. Văn hoá Óc Eo.
 D. Văn hoá tiền Óc Eo.

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Các thành phần chính của đất là

- A. Không khí, nước, chất hữu cơ và khoáng.
 B. Cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
 C. Chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật
 D. Nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì

Câu 2. Các tầng đất là

- A. Tầng chứa mùn, tầng tích tụ, tầng đá ong.
 B. Tầng chứa mùn, tầng tích tụ, tầng đá mẹ.
 C. Tầng chứa mùn, tầng khoáng, tầng đá mẹ.
 D. Tầng chứa mùn, tầng tích tụ, tầng đá vôi.

Câu 3. Khu vực Đông Nam Á có nhóm đất chính nào sau đây?

- A. Đất pốt dôn hoặc đất đai nguyên.
 B. Đất đỏ vàng cận nhiệt đới ẩm, đất đen.
 C. Đất đỏ hoặc đất nâu đỏ xavan..
 D. Đất feralit hoặc đất đen nhiệt đới.

Câu 4. Rừng nhiệt đới phân bố chủ yếu ở

- A. Vùng cận cực.
 B. Vùng ôn đới
 C. Hai bên đường xích đạo.
 D. Hai bên đường chí tuyến

Câu 5. Năm 2022 dân số thế giới khoảng.

- A. xấp xỉ 6 tỉ người
 B. xấp xỉ 7 tỉ người
 C. xấp xỉ 8 tỉ người
 D. xấp xỉ 9 tỉ người

Câu 6. Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Nam Á
 B. Tây Âu
 C. Bắc Á
 D. Bra-xin

Câu 7. Siêu đô thị Bắc Kinh thuộc quốc gia nào sau đây ?

- A. Nhật Bản B. Trung Quốc. C. Hàn Quốc D. Triều Tiên

Câu 8. Dân cư phân bố thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

- A. Các trục đường giao thông B. Đồng bằng, trung du.
C. Ven biển, ven sông. D. Hoang mạc, hải đảo.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều?

Câu 2:

- a) Nêu ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương?
b) Trình bày những tác động tiêu cực của con người lên thiên nhiên Trái Đất?

Môn: TIẾNG ANH

I. Vocabulary: (UNIT 6,7,8,9,10): Sports, History and technology, Geography, Transport, Jobs...

II. Pronunciation

- “i” and “y” sound , “-ed” sound
- word stress of two-syllable words

III. Grammar:

1. Past simple with was/were Past simple affirmative (irregular and regular verb)
2. Past Simple (Negative form and Questions form)
3. Modal verbs: have to/ don’t have to/ mustn’t
4. Articles: a/an/the (First and Second mention) 7. Present continuous for future arrangements
5. “be going to” for plans 8. Will for future predictions
6. First conditional

Semester 2 End-of-term Test 1

I. PRONUNCIATION

A. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

1. A. studied B. invented C. learned D. cleaned
2. A. question B. information C. invention D. conversation
3. A. cheat B. chef C. charity D. teacher

B. Choose the word that has a different stressed syllable from the rest.

4. A. farmer B. college C. police D. artist
5. A. invite B. success C. traffic D. excuse

II. VOCABULARY AND GRAMMAR

A. Choose the best answer for each question.

6. In France, you _____ take off your shoes when you visit someone’s house - you can have them on.
A. mustn’t B. don’t have to C. can’t d. must
7. The opposite direction of the south is _____.
A. southern B. west C. east D. north
8. How often do you travel by public _____? - Twice a week, I think.
A. transport B. car C. traffic D. means
9. Your _____ language is the language that you learned at home when you were a kid.
A. foreign B. native C. ethnic D. old
10. We _____ the Eiffel Tower on the 20th next month.
A. visit B. visited C. are visiting D. are visited
11. I often go to school _____ foot, but today I’m riding my bike.
A. by B. in C. at D. on
13. He usually practices tennis with his friends in the tennis _____.
A. racket B. court C. track D. pool
14. There’s _____ book on the table. _____ book’s cover is green.
A. a/a B. the/the C. a/the D. the/a
15. You _____ forget to do your project. It’s very important to your scores.

- A. must B. have to C. don't have to D. must not

IV. READING

Read the text and choose the best answer for the below questions:

My First Concert

Hi, I'm Lori. I play the guitar in a band. I started learning it about two years ago and the group got together last year. Anyway, a week ago we had our first concert and I want to tell you about it. It was at the local town hall, not far from my school. The concert was to make some money for three local charities that help nature and animals. There were two other groups as well as us. Another group wanted to play too, but their singer was ill, so they couldn't do it. The town hall is big enough for about three hundred people, but unfortunately there were only about eighty people there (and thirty of them were our friends and families!). We played rock and the older kids' band played hip-hop, so there was a good mix of music.

31. Lori joined her band...

- A. four years ago B. five years ago C. two years ago D. one year ago

32. Lori's first concert was at.....

- A. a hotel B. her school C. the town hall D. a charity show

33. Money from the concert went to

- A. some charities B. one of the singers C. the bands D. the families

34. How many bands played at the concert?

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

35. How many people can watch a concert at the town hall?

- A. 80 B. 100 C. 50 D. 300

V. WRITING

A. Rearrange the words to make a complete sentence.

36. provide / should / password / online / You / to / websites / not / your.

→ _____.

37. sunny / We / go / if / is / shopping / it / tomorrow / will / together.

→ _____.

B. Rewrite the sentence using the word given in the bracket. DO NOT CHANGE THE GIVEN WORDS.

38. It is compulsory for you to wear uniform at school. (HAVE)

→ _____.

39. Who won the football championship at your school last year? (WAS)

→ _____.

40. Bill is an excellent student in Math class. (BRILLIANT)

→ _____.

41. We're planning to visit our uncle's house this weekend. (GOING)

→ _____.

42. It isn't necessary to take off your shoes here. (DON'T HAVE)

→ _____.

C. Make complete sentences using the suggested words. Make changes to the words if necessary.

43. When/ my grandmother/ young/ she/ go/ school/ foot.

→ _____.

44. Next summer/ we/ going/ visit/ Paris/ with/ our families.

→ _____.

45. If/ I/ break/ window/ my dad/ not/ let/ use/ computer/ anymore.

→ _____.

Semester 2 End-of-term Test 2

I. PRONUNCIATION

A. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

- | | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------------|---------------------|
| 1. A. <u>cheap</u> | B. <u>chicken</u> | C. <u>machine</u> | D. <u>teacher</u> |
| 2. A. <u>lane</u> | B. <u>father</u> | C. <u>danger</u> | D. <u>celebrate</u> |
| 3. A. <u>conversation</u> | B. <u>future</u> | C. <u>nature</u> | D. <u>question</u> |

B. Choose the word that has a different stressed syllable from the rest.



4. A. address B. college C. agree D. website
5. A. coffee B. cartoon C. begin D. police

II. VOCABULARY AND GRAMMAR

A. Choose the best answer for each question.

6. You _____ to pick up our customer at the airport at four o'clock.
A. has B. have C. can D. must
8. I prefer _____ sports – I'm not very good at playing with other people.
A. individual B. team C. teams D. individuals
9. The television is in _____ of the table.
A. opposite B. between C. behind D. front
10. We are really lucky. They _____ a new school next year.
A. build B. built C. are building D. building
12. Think of _____ interesting city. What is the name of _____ city?
A. an - the B. a - the C. the - an D. an - a
13. Jenny _____ a new job as a car seller. She is really happy about that.
A. got B. made C. lost D. built
14. He draws pictures of buildings for builders. He is _____.
A. a architect B. an architect C. an mechanic D. a mechanic
15. When crossing the road, we _____ follow the traffic lights.
A. must not B. have to C. don't have to D. must

III. LISTENING

You will hear Paul talking to his friend, Anna, about a school trip. Decide if these sentences are True (T) or False (F).

26. Paul and Anna are going to meet some journalists at the stadium. _____
27. Anna prefers traveling on the underground. _____
28. Paul and Anna will leave at 8.30. _____
29. Mr Fox said students should take the mobile phones. _____
30. The total price for the trip is £5.75 . _____

Read the email and decide whether the below statement is true (T) or false (F).

My First Big Tennis Match

My name's Mario and I love tennis! My first game was when I was three. Four years ago, I joined my first club and started playing against other clubs. A month ago, my coach said that the area team wanted me to play for them next week. If I do well, the next step is to play at national level. So my first big match was very important!

I played against the under-16 national champion. At most of my matches there are maybe twenty people watching, including five from my family. At this match, there were two hundred people! I surprised myself by winning the first four games. After that, I didn't do so well. I hurt my foot. Because this tennis court was hard, I jumped to get the ball and hurt it when I came down. I was OK, but I wasn't as fast after that.

31. Mario started playing at a tennis club _____.
A. when he was three. B. four years ago. C. a month ago. D. next week
32. Mario's first big match was for _____.
A. his family B. his tennis club. C. the national team. D. his area team.
33. Mario's first big match was against _____.
A. a national champion B. his tennis club C. his area team D. an over-16 tennis club
34. Mario says _____ people usually go to his matches.
A. 5 B. 20 C. 200 D. 225
35. Mario was surprised by _____.
A. how relaxed he was. B. how good the other player was.
C. how well he did at the beginning of the match. D. how he hurt his foot.

V. WRITING

A. Rearrange the words to make a complete sentence.

36. bring / should / mobile phones / not/ online / Students / to / classrooms/.

37. rainy / We / go / if / is / swimming / it / tomorrow / will / not/ together.

→

B. Rewrite the sentence using the word given in the bracket. DO NOT CHANGE THE GIVEN WORDS.

38. It is not compulsory for you to wear uniform at school on Tuesdays. (DON'T HAVE)

→

40. It is necessary to wait for the green light to cross the street. (HAVE)

→

41. We're planning to visit our uncle's house this weekend. (GOING)

→

42. Don't talk during the exam! (MUST)

→

C. Make complete sentences using the suggested words. Make changes to the words if necessary.

43. I/ big fan/ musicals/ I/ love/ dance.

→

44. Next summer/ we/ going/ visit/ Hanoi/ with/ our families.

→

45. If/ I/ get/ bad marks/ final exam/ father/ not/ let/ use/ computer/ anymore.

→

Môn: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm

a) Các thông tin, tình huống trên đề cập đến những tình huống nguy hiểm; Những tình huống này có thể gây ra hậu quả:

1. Bị người lạ lừa. => mất trộm, bắt cóc.
2. Mưa dông, lốc xoáy. => nguy hiểm đến tính mạng.
3. Hỏa hoạn. => nguy hiểm đến tính mạng.
4. Lũ quét, lũ ống, sạt lở đất. => => nguy hiểm đến tính mạng.

b Cách ứng phó

- Khi bị bắt cóc: lựa chọn cách để thoát khỏi nguy hiểm: Nói thật to và rõ: “Dừng lại ngay đi” hoặc “Cứu tôi với” để người xung quanh phát hiện ra tới giúp... Vì có như vậy thì mọi người xung quanh mới biết và đến giúp mình. Em sẽ không đi 1 mình nơi vắng người để tránh gặp phải tình huống.

- Cách ứng phó khi gặp hỏa hoạn

- Khi phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn: thông báo cho mọi người xung quanh, gọi 114.

- Khi bị mắc kẹt trong đám cháy: thoát ngay theo đường hành lang, cầu thang bộ và ban công ở tầng thấp; nếu đám cháy lan tới nơi mình đứng cần dùng khăn thấm nước che mặt, che người; đi khom hoặc bò trên đường di chuyển để thoát khỏi đám cháy; đóng các cửa trên đường di chuyển để tránh lửa lan rộng ra ra.

- Khi gặp người bị đuối nước: nhanh chóng tìm sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

Khi bản thân bị đuối nước: Bình tĩnh, hít thật nhiều hơi vào phổi, cố gắng nín thở càng lâu càng tốt, thả lỏng người để nước đẩy sát lên mặt nước; dùng tay hoặc chân làm mái chèo, quạt nước đẩy đầu nhô khỏi mặt nước hoặc cũng có thể quạt nước xiên, đẩy người trôi đi dễ dàng bởi vì trong nước người trở nên nhẹ hơn so với trên cạn; khi chuyển động lên xuống, há miệng to hít vào nhanh và sâu khi ở trên mặt nước, ngậm miệng thở ra từ từ bằng mũi hoặc bằng miệng khi ở dưới mặt nước.

- Khi gặp người bị đuối nước: nhanh chóng tìm sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

Cần làm tránh đuối nước bằng cách: không đi bơi 1 mình, không chơi gần ao hồ, sông, suối...

Cần làm khi có mưa dông, lốc, sét: ở trong nhà, tắt thiết bị điện, tìm nơi trú ẩn an toàn, không trú dưới gốc cây, cột điện.

Em còn biết cách ứng phó khác khi gặp mưa dông, lốc, sét: không cầm nắm các vật bằng kim loại, không nên xem tivi...

Làm khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất: thường xuyên xem dự báo thời tiết, chủ động chuẩn bị phòng chống (đèn pin, thực phẩm, áo mưa...); không đi qua sông suối khi có lũ, gọi 112...

Cách ứng phó khác khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất: không nên ra ngoài, tìm nơi cao ráo để trú ngụ...

Bài 8: Tiết kiệm

- Tiết kiệm là: biết sử dụng 1 cách hợp lí, đúng mức của cải, vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác.

Những biểu hiện tiết kiệm:

- Tái sử dụng những vật đã dùng.
- Dùng lại những vật còn sử dụng được.

Những biểu hiện lãng phí: Không bảo quản những vật dụng đang dùng.

Những cách khác để tiết kiệm nước: không nên xả nước lãng phí,

1. Kiểm tra rò rỉ do bồn vệ sinh...
2. Không nên sử dụng bồn cầu như gạt tàn hay thùng rác...
3. Khóa vòi nước trong khi đánh răng...
4. Đặt chai nhựa hoặc phao nổi vào ngăn chứa nước xả của bồn nước...

Cách tiết kiệm điện: Sử dụng thiết bị điều chỉnh độ sáng đèn điện. ... Sử dụng công tắc thông minh. ...

Sử dụng công cụ giám sát thiết bị điện trong nhà ...

- Cách tiết kiệm đồ dùng đồ dùng học tập của học sinh: bảo quản dụng cụ học tập tốt, không dùng viết vẽ bậy, thu gom giấy vụn gây quỹ cho lớp.

Bài 9: Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam.
- Trẻ em sinh ra có cha là công dân Việt Nam, Mẹ là công dân nước ngoài.
- Trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, cha là người không quốc tịch.
- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
- Trẻ em bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai.

Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em

Quyền được sống còn:

1. Quyền sống còn của trẻ em gồm: quyền được khai sinh, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng

Quyền được bảo vệ

1. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, không bị bóc lột sức lao động, không bị xâm hại tình dục và quyền bị mất đời sống riêng tư.

Quyền được phát triển

1. Quyền được học tập, quyền được vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu.

Quyền được tham gia

1. Quyền được phát biểu ý kiến, quan điểm riêng của bản thân về những quan đến trẻ em; quyền được giao lưu, kết bạn.

Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em

Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em:

- Trẻ em có những quyền và bổn phận của mình. Cùng với bốn nhóm quyền cơ bản của mình, mỗi trẻ em cần phải có thái độ kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, thành viên trong gia đình bằng các việc làm phù hợp với bản thân, có thái độ tôn trọng giáo viên và mọi người, ...
 - Mỗi học sinh cần nắm rõ các quyền và bổn phận của mình, có thái độ tích cực, chủ động trong các việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em để bảo vệ và phát triển bản thân một cách toàn diện, đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em và phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em
- Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em**

*** Trách nhiệm của gia đình**

- Tiến hành khai sinh cho trẻ.
- Chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em.
- Tạo điều kiện, khuyến khích trẻ em tham gia các hoạt động trường, xã hội.
- Tạo điều kiện cho trẻ học tập.

- Tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, giải trí.
- Tạo điều kiện cho trẻ phát triển năng khiếu.
- Bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho trẻ, tránh khỏi các nguy cơ bị xâm hại, bị lạm dụng bị mua bán.

*** Trách nhiệm của nhà trường**

- Đảm bảo quyền học tập, vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu... của trẻ.
- Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự cho trẻ, bí mật về đời sống riêng tư cho trẻ.
- Quản lý trẻ em và giáo dục để trẻ thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

*** Trách nhiệm của xã hội**

- Đảm bảo tất cả trẻ em được hưởng và thực hiện quyền trẻ em.
- Xây dựng, ban hành, thực hiện các chủ trương, các chính sách... về quyền trẻ em.



Câu 1. Chọn phát biểu đúng về đồ dùng điện trong gia đình?

- A. Là sản phẩm công nghệ
 - B. Hoạt động bằng năng lượng điện
 - C. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình
 - D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 2. Công dụng của quạt điện treo tường là?

- A. Làm mát
- B. Chiếu sáng
- C. Làm chín thức ăn
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3. Đồ dùng điện nào sau đây dùng để chiếu sáng?

- A. Bếp hồng ngoại
- B. Đèn học
- C. Quạt treo tường
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4. Nồi cơm điện dùng để:

- A. Nấu chín thức ăn
- B. Làm mát
- C. Chiếu sáng
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5. Công dụng của đèn điện là:

- A. Chiếu sáng
- B. Sưởi ấm
- C. Trang trí
- D. Chiếu sáng, sưởi ấm, trang trí

Câu 6. Khi hoạt động, bộ phận nào của đèn sợi đốt phát sáng?

- A. Bóng thủy tinh
- B. Sợi đốt
- C. Đuôi đèn
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7. Đèn compact có nguyên lý làm việc giống đèn nào sau đây?

- A. Đèn Led
- B. Đèn sợi đốt
- C. Đèn huỳnh quang
- D. Đèn Led và đèn sợi đốt

Câu 8. Khi hoạt động, bộ phận nào của đèn Led phát ra ánh sáng?

- A. Vỏ bóng
- B. Bảng mạch Led
- C. Đuôi đèn

D. Vỏ bóng và đuôi đèn

Câu 9. Khi hoạt động, bộ phận nào của đèn Led giúp phân bố đều ánh sáng?

- A. Vỏ bóng
- B. Bảng mạch Led
- C. Đuôi đèn

D. Vỏ bóng và đuôi đèn

Câu 10. Nồi cơm điện có mấy bộ phận chính?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 11. Cấu tạo nồi cơm điện có:

- A. Nắp nồi
- B. Thân nồi
- C. Bộ phận sinh nhiệt
- D. Nắp nồi, thân nồi và bộ phận sinh nhiệt

Câu 12. Bộ phận nào của nồi cơm điện là nơi đặt nồi nấu?

- A. Nắp nồi
- B. Thân nồi
- C. Bộ phận sinh nhiệt
- D. Nắp nồi, thân nồi và bộ phận sinh nhiệt

Câu 13. Bộ phận nào của nồi cơm điện có vai trò cấp nhiệt cho nồi?

- A. Nắp nồi
- B. Thân nồi
- C. Bộ phận sinh nhiệt
- D. Nắp nồi, thân nồi và bộ phận sinh nhiệt

Câu 14. Khi nấu cơm điện, bộ phận nào thực hiện nhiệm vụ cấp điện?

- A. Nắp nồi
- B. Thân nồi
- C. Bộ phận điều khiển
- D. Bộ phận sinh nhiệt

Câu 15. Khi nấu cơm điện, bộ phận điều khiển thực hiện nhiệm vụ cấp điện cho bộ phận nào?

- A. Nắp nồi
- B. Thân nồi
- C. Bộ phận điều khiển
- D. Bộ phận sinh nhiệt

TỰ LUẬN :

Câu 1. Trình bày 1 số lưu ý khi sử dụng nồi cơm điện ?

Câu 2 Trình bày nguyên lý làm việc của đèn sợi đốt và đèn huỳnh quang ?

Câu 3. Trình bày những an toàn đối với người sử dụng điện?